

Số: h6/2017/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

|                                |                    |
|--------------------------------|--------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ |                    |
| <b>ĐẾN</b>                     | Số: <u>794</u>     |
|                                | Ngày: <u>20/06</u> |
|                                | Chuyên: .....      |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1420/TTr-STC ngày 05 tháng 6 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh:



1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật giá, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 6 như sau:

“5. Trong thời gian nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực trước và khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ và Điều 5, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính gửi Sở Tài chính và các Sở quản lý ngành.

Riêng mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện đăng ký giá theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

3. Bổ sung khoản 13, 14 và 15 vào Điều 7 như sau:

“13. Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

14. Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

15. Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

"2. Thẩm định phương án giá: Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

Trường hợp thẩm định bằng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

"1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

2. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định của UBND tỉnh bao gồm:

- a) Giá dịch vụ lưu trú;
- b) Giá dịch vụ xem ca Huế trên sông Hương;
- c) Vật liệu xây dựng: Đất, cát, sạn, đá;
- d) Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt không được nhà nước trợ giá;
- đ) Mức thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của liên Bộ Tài chính – Bộ Giao thông Vận tải;

3. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

4. Trong thời gian nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá không thực hiện kê khai giá mà thực hiện đăng ký giá theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

5. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

6. Riêng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh,



chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; thuốc chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.”

6. Bổ sung điểm n, o và p vào khoản 4 Điều 18 như sau:

“n) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

o) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

p) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.”

7. Sửa đổi khoản 17 Điều 18 như sau:

“17. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa dịch vụ của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.”

8. Bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau :

a) Bổ sung tiết thứ 5 vào điểm a, khoản 1 Điều 19 như sau:

“ - Trình phương án giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa bản đồ địa chính có tọa độ.”

b) Bổ sung tiết thứ 4 vào điểm b, khoản 1 Điều 19 như sau:

“- Trình phương án giá dịch vụ sử dụng cảng cá (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng

biển) do địa phương quản lý được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.”

c) Bổ sung tiết thứ 4 vào điểm c, khoản 1 Điều 19 như sau:

“- Trình phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.”

d) Bổ sung tiết thứ 5 vào điểm d, khoản 1 Điều 19 như sau:

“- Trình phương án giá dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý thuộc các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; giá dịch vụ sử dụng đò, phà; giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính xây dựng, duy trì, nâng cấp, khai thác và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân khác khi có nhu cầu theo quy định của pháp luật.”

10. Bổ sung Điều 27 như sau:

a) Bổ sung điểm g vào khoản 1 Điều 27 như sau:

“g) Văn bản quản lý nhà nước về giá và các báo cáo tổng hợp.”

b) Bổ sung khoản 3 vào Điều 27 như sau:

“3. Kinh phí đảm bảo cho việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

a) Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu về giá được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Hằng năm, cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại Điều 26 Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật”.

**Điều 2** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã, thành phố Huế;

các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện các quy định quản lý về giá theo quy định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Cao**